

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1991, cư trú tại: Thôn 11, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 18/2017/QĐDS-ST ngày 10/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Trịnh Ngọc H qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã X, huyện T vào ngày 23/9/2009, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H tại thôn 11, xã X tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung, nhưng từ sau khi sinh con được khoảng một tháng thì tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H có tính rệu chề, mỗi lần say rượu là hay đánh đập, bới chửi chị, từ đó vợ chồng hay xảy ra khúc mắc, cãi vã; Khoảng tháng 8 năm 2013 chị G bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ và đi ra Hà Nội làm ăn, từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả; Đến tháng 7 năm 2014 anh H đã bế theo con chung và bỏ đi khỏi địa phương. Chị G và gia đình, bạn bè đã tìm kiếm nhiều nơi, nhưng không có tin tức về anh H, nên chị G đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân tuyên bố anh Trịnh Ngọc H là người mất tích. Sau khi thực hiện đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm anh H theo quy định pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh H còn sống hay đã chết. Ngày 10/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh Trịnh Ngọc H là người mất tích; Đến nay chị G vẫn không có tin tức xác thực về anh H. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị G xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Trịnh Thị N, sinh ngày 21/10/xxx. Khi anh H bỏ đi biệt tích có bế theo con chung là cháu N, hiện chị G không biết cháu N đang ở đâu, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị G xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Ngọc H là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 18/2017/QĐDS-ST ngày 10/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là người mất tích, hiện không có tin tức xác thực đang ở đâu, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn; Bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự,

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị G được ly hôn với anh H; Về con chung và tài sản: không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị G khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc H, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Trịnh Ngọc H đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh H; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị G và anh Trịnh Ngọc H qua tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được UBND xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/9/2009, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị G và anh Trịnh Ngọc H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và sinh hoạt. Chị G và anh H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2013; Đến tháng 7 năm 2014 anh H bỏ đi biệt tích và tại Quyết định số 18/2017/QĐDS-ST ngày 10/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh Trịnh Ngọc H là người mất tích; Đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh H còn sống hay đã chết. Nay chị G có đơn yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu xin được giải quyết ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận xử cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Trịnh Ngọc H.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị G và anh Trịnh Ngọc H có 01 (một) con chung là cháu Trịnh Thị N, sinh ngày 21/10/xxxx. Khi anh H bỏ đi biệt tích có bé theo con chung là cháu N, hiện chị G không biết cháu N đang ở đâu, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh H không có lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phần tài sản: Chị Lê Thị G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh H không có lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị G, Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Trịnh Ngọc H.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000622 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Lê Thị G đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến